

Số: 270 /TTr-KT

Việt Khê, ngày 01 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông, núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Việt Khê

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo dỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/09/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND xã Việt Khê về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ - HĐND ngày 20/4/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc thông điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ - HĐND ngày 20/4/2026 của HĐND thành phố về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê;

Căn cứ giấy phép số 654/GP - UBND ngày 13/2/2026 của UBND thành phố Hải Phòng cho phép Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thuận Thiên được khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội thuộc địa bàn Việt Khê, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Trên cơ sở Phương án bồi thường, hỗ trợ do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê lập được phòng Kinh tế thẩm định.

Phòng Kinh tế kính trình chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Việt Khê:

1. Phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê, cụ thể như sau:

1.1. Tổng diện tích thu hồi: **181456,8m²**

1.2. Tổng số hộ được bồi thường, hỗ trợ: **69hộ**

1.3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất, cây cối hoa màu, vật kiến trúc thuộc chỉ giới thu hồi và kinh phí tổ chức thực hiện hồ và tái định cư của Dự án là: **14.311.257.518đồng**

(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, ba trăm mười sáu một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm mười tám đồng)

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân: **13.894.425.518đồng**

- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: **416.832.000đồng**

(Có Danh sách tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo)

Kèm theo Tờ trình gồm:

- *Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết của hộ gia đình, cá nhân;*
- *Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ;*

2. Giao nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan, cụ thể như sau:

2.1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ.

2.2. Phòng Kinh tế xã phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Việt Khê và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; trường hợp hộ dân không nhận Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản.

2.3. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất thực hiện Dự án có trách nhiệm nhận tiền và bàn giao đất trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

2.4. Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công xã Việt Khê có trách nhiệm đăng Quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.

Phòng Kinh tế kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Việt Khê xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT Phạm Văn Kim;
- Phòng VHXXH;
- Phòng Kinh tế;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Trung tâm DVSN công;
- Lưu: VT.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

A handwritten signature in blue ink is written over a red circular official stamp. The stamp contains the text "CỘNG HÒA X. H. C. A VIỆT NAM" around the top edge, "PHÒNG KINH TẾ" in the center, and "VIỆT KHÊ - T. PHẢI PHÒNG" around the bottom edge. The signature is a cursive script that extends to the right of the stamp.

Phạm Quốc Trung

DANH SÁCH TRÌNH PHÊ DUYỆT

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KT ngày tháng năm 2026
của Phòng Kinh tế xã Việt Khê)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (thôn)	Số thửa (theo TĐĐC)	Tờ bản đồ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Sỹ	Niêm Nội 2	21, 22	1	1135,3	146.580.600	
2	Hộ ông Nguyễn Văn Thu (Vũ Thị Thiện)	Niêm Nội 2	23, 73	1	5682,8	746.103.765	
3	Hộ ông Nguyễn Văn Ngoi	Niêm Nội 2	30, 71, 237	1	9634,8	886.437.518	
4	Hộ ông Nguyễn Văn Hy	Niêm Nội 2	31, 41, 60, 65	1	7098	1.536.872.273	
5	Đông Xuân Mộc	Niêm Nội 2	36	1	291,8	129.361.683	
6	Nguyễn Văn Chuyên	Niêm Nội 2	54	1	3987,2	166.377.357	
7	Nguyễn Văn Tý	Niêm Nội 2	58, 196	1	2070,1	38.527.083	
8	Nguyễn Văn Minh (Định)	Niêm Nội 2	222, 227	1	8907,8	542.571.664	
9	Nguyễn Nhất Khẩu và Nguyễn Văn Hy	Niêm Nội 2	67	1	3551,9	108.145.000	
10	Đỗ Văn Thế	Niêm Nội 2	69, 87, 188	1	5778,9	478.898.640	
11	Đỗ Văn Là	Niêm Nội 2	236, 81, 70	1	7449,5	1.477.902.324	
12	Đỗ Văn Thông (Đỗ Văn Thái sử dụng)	Niêm Nội 2	72, 234	1	1836,9	25.991.700	
13	Hộ ông Nguyễn Văn Vy (Vã)	Niêm Nội 2	74	1	3946,6	137.814.000	
14	Hộ ông Nguyễn Văn Hân	Niêm Nội 2	75	1	4259,3	250.027.767	
15	Hộ ông Nguyễn Văn Hưu	Niêm Nội 2	76	1	4547,2	544.126.405	
16	Hộ ông Nguyễn Văn Tám	Niêm Nội 2	77	1	672	82.343.508	
17	Hộ ông Nguyễn Văn Nguyên	Niêm Nội 2	79	1	232,3	375.000	
18	Nguyễn Văn Tính	Niêm Nội 2	80	1	2053	171.258.484	
19	Nguyễn Văn Viên	Niêm Nội 2	82	1	626,8	23.163.000	
20	Nguyễn Văn Hải	Niêm Nội 2	83, 238	1	2033,2	176.190.000	

21	Nguyễn Nghiệp Ngà	Niêm Nội 1	231	1	2334,5	492.570.153	
22	Hộ ông Nguyễn Văn Lan	Niêm Nội 1	84, 186	1	3932,9	273.815.148	
23	Hộ ông Nguyễn Văn Múc	Niêm Nội 1	85	1	3669,3	452.821.365	
24	Hộ ông Đỗ Văn Thu	Niêm Nội 1	160, 86	1	3827,7	519.854.640	
25	Hộ ông Nguyễn Văn Luyện	Niêm Nội 1	88, 92	1	18913,3	929.342.312	
26	Hộ ông Nguyễn Văn Thái	Niêm Nội 1	90, 149	1	3364,4	401.627.000	
27	Hộ bà Nguyễn Thị Vân	Niêm Nội 1	91, 146, 148	1	2435,2	387.445.905	
28	Hộ ông Nguyễn Văn Độ (Tờ)	Niêm Nội 1	93, 138	1	9918,8	175.928.276	
29	Hộ ông Nguyễn Văn Vạn (Hiền)	Niêm Nội 1	98, 204, 205, 207	1	1334,3	36.944.000	
30	Nguyễn Văn Kế	Niêm Nội 1	110	1	771	27.155.000	
31	Nguyễn Văn Bang	Niêm Nội 1	219	1	2000,8	16.909.000	
32	Nguyễn Văn Búp	Niêm Nội 1	116, 117	1	673,3	16.673.000	
33	Đỗ Thị Thịnh	Niêm Nội 1	120	1	713,8	144.604.500	
34	Nguyễn Văn Tý (Nghien)	Niêm Nội 1	133	1	305,6	12.164.000	
35	Nguyễn Văn Đạo	Niêm Nội 1	134	1	766,9	9.317.000	
36	Nguyễn Văn Thành (Lanh)	Niêm Nội 1	137, 142	1	921,8	174.777.062	
37	Nguyễn Văn Hối	Niêm Nội 1	143	1	1066	204.541.057	
38	Nguyễn Văn Xiêm	Niêm Nội 1	154	1	584	130.315.000	
39	Nguyễn Văn Cơ	Niêm Nội 1	178	1	256,9	63.263.694	
40	Nguyễn Văn Huy (Tư)	Niêm Nội 1	187	1	2275,4	253.844.288	
41	Nguyễn Thị Khai	Niêm Nội 1	197, 215, 218, 228	1	1244,7	8.492.500	
42	Nguyễn Văn Thịch, Đỗ Văn Hôm	Niêm Nội 1	96	1	7387,2	64.815.426	
43	Lại Văn Tuyên (Định)	Niêm Nội 1	198	1	134,5	4.147.608	

44	Vũ Thị Bê (Hải)	Niêm Nội 1	199, 202	1	1448,6	189.083.743	
45	Nguyễn Văn Đăng (Tò)	Niêm Nội 1	201	1	408,5	29.494.416	
46	Nguyễn Thị Tuyết (Tò)	Niêm Nội 1	203	1	537,1	16.720.000	
47	Nguyễn Văn Sáu và Đào Thị Nga	Niêm Nội 1	206	1	386,6	7.236.000	
48	Nguyễn Văn Thích	Niêm Nội 1	210, 217	1	1445,4	23.690.000	
49	Nguyễn Văn Huy (Nga)	Niêm Nội 1	220	1	36,7	6.712.000	
50	Lại Đức Trường	Niêm Nội 1	221	1	272,6	7.287.628	
51	Nguyễn Văn Quen	Niêm Nội 1	223	1	1098	6.677.334	
52	Bùi Thị Bướm, Nguyễn Văn Tín, Hoàng thị Khương (Nguyễn Văn Thăng), Nguyễn Văn Hồng, Vũ Thị Thơm, Trần Văn Học, Bùi Thị Miết	Niêm Nội 1	189	1	1872,5	34.029.752	
53	Nguyễn Văn Dương	Niêm Nội 2	57, 97	1	8126,6	492.219.281	
54	Hoàng Văn Cương	Niêm Nội 2	95, 229	1	2823,1	475.934.727	
55	Nguyễn Văn Khoa	Niêm Nội 2	61	1	3378,4	17.939.000	
56	Nguyễn Văn Hùng	Niêm Nội 1	225	1	274,3	-	
57	Bùi Thị Rảnh	Niêm Nội 1	194, 200, 211, 213	1	350,1	-	
58	Nguyễn Văn Sáu	Niêm Nội 1	226	1	917,3	-	
59	Nguyễn Như Thịch	Niêm Nội 1	212, 216	1	307,1	-	
60	Nguyễn Văn Đức (Lộc)	Niêm Nội 1	232	1	907,9	-	
61	Nguyễn Văn Nôn	Niêm Nội 1	224	1	1748,2	-	
62	Hộ ông Đỗ Văn Miên (Nguyễn Thị Kim)	Niêm Nội 2	64	1	658,8	-	
63	Nguyễn Văn Khát	Niêm Nội 2	68	1	3776,6	-	
64	Nguyễn Văn Đều	Niêm Nội 2	47	1	1547,6	-	
65	Hộ ông Nguyễn	Niêm	234, 66	1	1230,5	-	

	Văn Hạnh (vợ Bùi Thị Gái)	Nội 2					
66	Bùi Thị Nháp (Độ)	Niêm Nội 1	209	1	102,3	-	
67	Vũ Thị Võ	Niêm Nội 2	12, 17, 235	1	1736,9	-	
68	Đỗ Văn Miên	Niêm Nội 2	78	1	860,1	-	
69	Nguyễn Văn Thành (Đăng)	Niêm Nội 1	193, 195	1	577,3	116.965.932	
	Tổng cộng				181456,8	13.894.425.518	
A	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi trả trực tiếp cho các hộ dân:					13.894.425.518	
B	Kinh phí hành tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:					416.832.000	
C	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và kinh phí hành chính thực hiện công tác giải phóng mặt bằng: (A+B)					14.311.257.518	